

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất: Nhà máy nước Hưng Phú trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.
- Địa chỉ: Khu vực Thạnh Hoà, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: 02923 810 188.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Tùng Nguyên.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý nước phục vụ cấp nước sinh hoạt; Quy mô/Công suất: 20.000 m³/ngày đêm. Tần suất hoạt động: thường xuyên.
- Giấy phép đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 06 tháng 8 năm 2025. Mã số thuế: 1800155244.
- Giấy phép môi trường số: 16/GPMT-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 cơ quan cấp là Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.
- Khối lượng sản phẩm: 13.181 m³/ngày đêm năm 2024;
12.767 m³/ngày đêm năm 2025.
- Điện tiêu thụ: (832.905 kw năm 2024) (813.741 kw năm 2025).
- Hoá chất tiêu thụ: PAC (22.976 kg năm 2024) (21.950 kg năm 2025);
Clo (11.899 kg năm 2024) (10.399 kg năm 2025).

Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Liệt kê các công trình xử lý nước thải: 01 bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt, 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
 - Tổng lượng nước thải sinh hoạt: 146 m³ (0,4 m³/ngày đêm) năm 2024;
73 m³ (0,2 m³/ngày đêm) năm 2025.
 - Tổng lưu lượng nước thải sản xuất phát sinh trong năm báo cáo:
Năm 2024 dưới 05 m³/giờ/03 ngày đêm (200,8 m³/năm);
Năm 2025 1,8 m³/ngày đêm (657 m³/năm).
- Lưu lượng tối đa được cấp phép xả thải: 5,2 m³/ngày đêm (1.898 m³/năm).



1.2. Kết quả quan trắc nước thải

Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

- Thời gian quan trắc: 04/6/2025 – 02/12/2025
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/01 lần.
- Vị trí các điểm quan trắc: Tại cống xả thải sau hệ thống xử lý nước thải.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu nước thải.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Cần Thơ (VIMCERTS 131).
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: *Không có.*

2. Về công trình bảo vệ môi trường với khí thải

Nhà máy không phát sinh khí thải.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thông kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng (kg/năm 2025)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (kg/năm)
01	Rác sinh hoạt	262	Công ty CP Đô thị Cần Thơ	262

Thông kê CTRCNTT:

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (m ³ /năm 2025)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg/năm)
01	Bùn thải đã được phân định là CTRCNTT	Khối lượng ít nên vẫn còn lưu trữ tại bể chứa	Bơm lấp những chỗ trũng trong khuôn viên nhà máy	1.900

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thông kê CTNH: Trong năm 2025 chưa phát sinh CTNH nhiều nên vẫn còn lưu trữ tại nhà chứa CTNH.

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm 2025)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg/năm)
Giẻ lau	18 02 01	0	TĐ	Công ty TNHH-SX- TM-DV Môi trường Việt Xanh	03
Bóng đèn	16 01 06	0	PT, HR		03
Pin	19 06 01	0	PD		0
Tổng số lượng		0	-		06

(Đính kèm chứng từ)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanθο@gmail.com

www.ctn-canθο.com.vn

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Nhằm giảm thiểu ô nhiễm đối với nước thải phát sinh tại Nhà máy nước Hưng Phú, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Cần Thơ có những phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như sau:

- Khu vực phát sinh nước thải được thiết kế, lắp đặt cống thu gom riêng biệt, dẫn về công trình xử lý nước thải, nhằm đảm bảo thu gom lượng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy.
- Phân công công nhân trực vận hành công trình xử lý nước thải, bất kỳ có biểu hiện bất thường nào của công trình xử lý nước thải đều được phát hiện, khắc phục kịp thời.
- Khi có sự cố môi trường xảy ra nhà máy có bố trí người phụ trách để đảm bảo an toàn cho người và tài sản, kịp thời thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhanh nhất.
- Trong quá trình hoạt động của nhà máy định kỳ tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng nguồn nước thải sau xử lý và nước mặt sông Hậu nơi tiếp nhận nước thải tại Nhà máy nước Hưng Phú để kiểm soát, ngăn ngừa các chỉ tiêu ô nhiễm bị vượt và báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường: Trong năm không xảy ra sự cố môi trường.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT TPCT;
- UBND phường Hưng Phú;
- Lưu: HC, Phòng QLCL&MT.



Huỳnh Thiện Đình



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

9 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanθο@gmail.com

www.ctn-canθο.com.vn

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số
05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Cấp
thoát nước Cần Thơ số 201/CTN ngày 06 tháng 10 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
322/TTr-STNMT ngày 05 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, địa chỉ tại
Số 2A, đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy nước Hưng
Phú - Giai đoạn 1 (công suất 20.000 m³/ngày đêm)” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: “Nhà máy nước Hưng Phú - Giai đoạn 1 (công
suất 20.000 m³/ngày đêm)”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thửa đất số 13242, Tờ bản đồ địa chính số 01,
phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai
thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 1800155244, đăng ký thay đổi lần thứ 12,
ngày 15 tháng 07 năm 2022 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và
Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

1.4. Mã số thuế: 1800712946.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý nước phục vụ cấp nước sạch sinh hoạt trong nhân dân.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Tổng diện tích đất của dự án là 45.952 m². Trong đó, diện tích đất xây dựng công trình: 23.258 m² gồm phần hiện trạng là 4.549 m², phần xây dựng mới giai đoạn 1 là 522 m².

- Quy mô, công suất dự án: Công suất giai đoạn 1: 20.000 m³/ngày đêm, gồm:

+ Đợt 1: 10.000 m³/ngày đêm đã xây dựng hoàn thành vào năm 2006, hiện đang vận hành;

+ Đợt 2: 10.000 m³/ngày đêm dự kiến thi công xây dựng và đưa vào sử dụng là quý I năm 2025.

- Tổng mức đầu tư: 33.329.550.000 đồng (*Ba mươi ba tỷ ba trăm hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 13.... tháng 02 năm 2025 đến ngày 13.. tháng 02.... năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận Cái Răng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ TN và MT;
- CT UBND TP;
- Cty CP Cấp thoát nước Cần Thơ;
- Công Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu VT. ^{VK} 



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Tấn Hiển



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 02

năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên với lưu lượng khoảng 0,2 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất với lưu lượng khoảng 05 m³/ngày đêm.

Lưu lượng xả nước thải tối đa: 5,2 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải từ hoạt động sản xuất và từ sinh hoạt sau khi được xử lý đạt QCVN40:2011/BTNMT cột A, được đầu nối xả thải ra nguồn tiếp nhận là kênh Thủy Lợi và chảy ra sông Hậu.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°00', múi chiếu 3°):

+ Điểm xả đầu tiên là Bể thu hồi (tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰): X = 1108165, Y = 587872;

+ Điểm xả thải sau công trình xử lý nước thải sản xuất (vị trí cuối đường ống xả thải) với nguồn tiếp nhận là kênh Thủy Lợi. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰): X = 1107952; Y = 587670.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải theo công suất của hệ thống xử lý nước thải 5,2 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: cột A QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (kq= 0,9; kf=1,2) với các thông số như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/ BTNMT cột A (kq= 0,9; kf=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6- 9	- Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	32,4		

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/ BTNMT cột A (kq= 0,9; kf=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
3	COD	mg/l	81	Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Chủ dự án đề xuất quan trắc định kỳ 6 tháng/lần.	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54		
5	Sunfua	mg/l	0,216		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,4		
7	Tổng nito	mg/l	21,6		
8	Tổng phospho (tính theo P)	mg/l	4,32		
9	Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Dự án đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

- Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa được xây dựng bằng cống BTCT. Cống BTCT DN800 thoát nước mưa được xây dựng bao quanh Nhà máy nhằm để thu lượng nước mưa phát sinh tại nhà máy tránh hiện tượng ngập úng.

- Nước mưa phát sinh mái nhà được thu và chảy theo đường ống PVC D114 chảy vào cống BTCT DN600 hiện hữu tại Nhà máy.

- Nước mưa phát sinh từ đường đi nội bộ sân bãi tự chảy về cống BTCT DN 600, chiều dài hiện hữu tại Nhà máy với độ dốc 0,5% thông qua các song chắn rác, bản vẽ thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tắm, rửa tay và từ nhà vệ sinh qua bể tự hoại 03 ngăn được thu gom vào hố ga tập trung, sau đó thoát vào hồ lắng bùn của hệ thống xử lý nước thải sản xuất trong nhà máy bằng đường cống thoát D400, với chiều dài 120m.

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động tắm, rửa tay và từ nhà vệ sinh qua bể tự hoại 03 ngăn được thu gom vào hố ga tập trung, sau đó thoát vào hồ lắng bùn của hệ thống xử lý nước thải sản xuất trong nhà máy bằng đường cống thoát D400, với chiều dài 120 m.

- Nước thải sản xuất: Nhà máy có bố trí công trình xử lý nước thải sản xuất

phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị rửa lọc và nước xả đáy bể lắng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Quy trình chung: (Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 03 ngăn) + (Nước thải sinh hoạt từ tắm, rửa tay) → Hồ ga tập trung → Đường thoát D400 → Hồ lắng bùn (Hệ thống xử lý nước thải sản xuất) → Đồng hồ đo lưu lượng → Nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT ($kq=0,9$; $kf=1,2$).

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải:

+ Quy trình xử lý nước thải sản xuất đợt 1 - Giai đoạn 1: Nước thải sản xuất đợt 1 → Bể thu hồi → Hồ lắng bùn (→ Bùn thải → Thu gom, nạo vét định kỳ) → Nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT ($kq=0,9$; $kf=1,2$) → Đồng hồ đo lưu lượng → Kênh thủy lợi.

+ Quy trình xử lý nước thải sản xuất đợt 2 - Giai đoạn 1: Nước thải sản xuất đợt 1 → Bể thu hồi → Hồ lắng bùn (→ Bùn thải → Thu gom, nạo vét định kỳ) → Nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT ($kq=0,9$; $kf=1,2$) → Đồng hồ đo lưu lượng → Kênh thủy lợi.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: -

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: -

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Chủ có sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải: dự kiến từ ngày 02/6/2025 đến ngày 04/6/2025.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi:

-

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 02
năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6-18 giờ	Từ 18-6 giờ	-	Khu vực đặc biệt
	75	Mức nền		
2	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	75	Mức nền		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Đảm bảo độ phẳng/độ cân bằng của nền và thiết bị từ quá trình lắp đặt; lắp các đệm cao su/lò xo chống rung để độ ồn, rung được giảm tối thiểu.

- Trước khi vận hành cần kiểm tra đầy đủ công tác an toàn, đồng thời cần tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lắp đặt vận hành của nhà sản xuất.

- Công nhân làm việc được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (nút bịt tay, mũ, quần áo bảo hộ...).

- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng ác phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Tổng lượng chất thải nguy hại khoảng 3,2 kg/năm, danh mục gồm các chất sau:

Chủng loại	Mã CTNH	Tổng khối lượng (kg/năm)	Công trình lưu giữ	Công trình xử lý
Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	02	Kho chứa tại cơ sở (diện tích 10 m ²)	Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý (Hợp đồng số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS và Phụ lục HĐ 01 với Công ty TNHH SX - TM - DV Môi trường Việt Xanh)
Giẻ lau dính dầu, nhớt	18 02 01	01		
Pin dùng cho bộ điều khiển máy lạnh	19 06 01	0,2		
Tổng số lượng		3,2		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Bùn thải sau xử lý nước thải sản xuất đã được lấy mẫu phân tích có các thông số đạt theo QCVN50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, được phân định là chất thải thông thường tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Khối lượng:

+ Đợt 1 - giai đoạn 1: bùn thải khoảng 200 m³/năm.

+ Giai đoạn 1 (gồm đợt 1 và đợt 2): bùn thải khoảng 400 m³/năm.

- Hiện tại, do khuôn viên nhà máy còn vùng đất trũng, nên bùn thải được thu gom và đem san lấp mặt bằng trong khuôn viên nhà máy. Dự kiến khi việc san lấp mặt nhà máy hoàn tất, lượng bùn thải phát sinh tiếp theo được vận chuyển về nhà máy xử lý nước thải bằng xe chuyên dụng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu từ hoạt động văn phòng làm việc, gồm 02 loại: hộp xốp đựng thức ăn, giấy vụn, túi ni lông.

- Lượng phát sinh trung bình 03 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được phân loại tại nguồn, được lưu trữ khu vực riêng và có dán nhãn theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Công trình lưu giữ: Kho chứa tại cơ sở (diện tích 10 m²).
- Biện pháp thu gom, xử lý: Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý (Hợp đồng số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS và Phụ lục HĐ 01 với Công ty TNHH SX - TM - DV Môi trường Việt Xanh).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: -

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Bùn thải sau xử lý nước thải sản xuất đã được lấy mẫu phân tích có các thông số đạt theo QCVN 50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, được phân định là chất thải thông thường tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Hiện tại, do khuôn viên nhà máy còn vùng đất trống, nên bùn thải được thu gom và đem san lấp mặt bằng trong khuôn viên nhà máy. Dự kiến khi việc san lấp mặt nhà máy hoàn tất, lượng bùn thải phát sinh tiếp theo được vận chuyển về nhà máy xử lý nước thải bằng xe chuyên dụng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Nhà máy có bố trí các thùng rác và chất thải rắn sinh hoạt được chứa trong thùng rác đặt đúng nơi quy định và thu gom định kỳ với Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ theo Hợp đồng số 177/2024/HDDV.CR, ngày 02 tháng 01 năm 2024.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại: -

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: -

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện và cung cấp nội dung kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 108, Điều 109 và Điều 110 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Chủ dự án thực hiện một số nội dung sau:

Nhằm giảm thiểu ô nhiễm đối với nước thải phát sinh tại Nhà máy nước Hưng Phú, nên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ có những phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như sau:

** Nước mặt khai thác sử dụng (nước sông Hậu):*

- Nhà máy thường xuyên kiểm tra, theo dõi chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác, sử dụng.

- Bảo vệ nguồn nước mặt khai thác, theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước.

- Kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý các trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước của công trình khai thác.

- Tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước.

** Nước thải sản xuất:*

- Khu vực phát sinh nước thải được thiết kế, lắp đặt hệ thống thu gom riêng biệt, dẫn về công trình xử lý nước thải, nhằm đảm bảo thu gom lượng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy.

- Phân công công nhân trực vận hành công trình xử lý nước thải, bất kỳ có biểu hiện bất thường nào của công trình xử lý nước thải đều được phát hiện, khắc phục kịp thời.

- Khi có sự cố môi trường bất ngờ xảy ra nhà máy có bố trí người phụ trách để đảm bảo an toàn cho người và tài sản, tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhanh nhất.

- Trong quá trình hoạt động của nhà máy định kỳ tiến hành lấy mẫu phân tích/kiểm tra chất lượng nguồn nước (nước thải sau xử lý) tại Nhà máy nước Hưng Phú để kiểm soát, ngăn ngừa các chỉ tiêu ô nhiễm bị vượt và báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước.

** Sự cố cháy nổ, chập điện:*

Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ thực hiện như sau:

- Luôn luôn nâng cao ý thức của công nhân viên về các khả năng gây cháy nổ và các ảnh hưởng khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Thực hiện đầy đủ bảng nội quy tiêu lệnh PCCC, không cho mang các thành phần dễ phát sinh cháy nổ vào kho chứa như cấm lửa, cấm hút thuốc.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy như: lắp đặt hệ thống báo cháy, đèn tín hiệu, còi cứu hỏa hoạt động bằng đầu cảm biến điện tử, các phương tiện và thiết bị chữa cháy (bình cứu hỏa, vòi nước chữa cháy, bơm nước...) tại chỗ để sẵn sàng sử dụng khi có sự cố xảy ra.

- Trong từng hạng mục công trình của dự án, chủ đầu tư sẽ trang bị chu đáo các thiết bị phòng cháy, chữa cháy nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các thiệt hại đến sự cố cháy nổ có thể xảy ra. Đặc biệt là khu vực chứa trấu tại dự án.

- Thường xuyên phối hợp với cơ quan chức năng để tập huấn về công tác PCCC cho cán bộ, công nhân viên.

- Hệ thống cấp nước cho công tác chữa cháy: nhà máy đã có lắp đặt hệ thống cấp nước cho công tác chữa cháy.

- Có hệ thống tiếp đất, chống sét cho khu vực nhà kho, nhà xưởng, trạm điện.

➤ Kế hoạch ứng phó sự cố cháy nổ:

Công ty thường xuyên cập nhật kế hoạch, thực hành phương án ứng phó sự cố cháy nổ tại đơn vị.

Khi có cháy xảy ra cần tiến hành một cách khẩn trương các công việc sau:

- Báo động cháy (tự động, keng, tri hô).

- Cắt điện khu vực cháy.

- Tổ chức cứu người bị nạn, tổ chức giải thoát cho người và di chuyển tài sản ra khỏi khu vực cháy.

- Tổ chức lực lượng sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ để cứu chữa đám cháy.

- Gọi điện báo cháy cho đội chữa cháy chuyên nghiệp gần nhất hoặc báo về trung tâm chữa cháy của địa phương hỗ trợ.

- Hướng dẫn đường nơi đỗ xem nguồn nước chữa cháy cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp khi tới hỗ trợ; phối hợp chặt chẽ với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp cứu chữa đám cháy.

- Triển khai lực lượng bảo vệ hiện trường cháy sau khi dập tắt đám cháy./.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TP. CẦN THƠ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT MONITORING

Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, P.An Bình, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 02923.891199 – 02923.735579 – Fax: 02923.815566
Email: ttqtnmt@cantho.gov.vn

Số hiệu: Bm05-TT17
Ngày BH: 01/3/2025

Số: 219/734/N/0625 **KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** Ngày trả: 17/6/2025

Khách hàng (Cơ quan): Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Ngày thu/nhận mẫu: 04/6/2025

Ngày thử nghiệm: 04/6/2025

Loại mẫu (ký hiệu): Nước thải (Nhà máy nước Hưng Phú – Số lượng: 01
Nước thải sau xử lý 04/6/2025)

Tình trạng mẫu: Bình thường

Lưu mẫu: ☒ Không; ☐ Có, đến ngày:

Đo đạc hiện trường: Không

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
1	pH (#)	-	TCVN 6492:2011	6,91
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	12,4
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	14
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	KPH (MDL=0,16)
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	1,5
7	Tổng Phốtpho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,10
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,02)
9	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4,7x10 ¹

Ghi chú: thực hiện theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-BTNMT ngày 29/8/2022 (mã số VIMCERTS 131).
(#) kết quả có giá trị tham khảo; “KPH”: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC VÀ
THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Khánh Luân

GIÁM ĐỐC

Đoàn Thanh Tâm

1.Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2.Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu KQTN.



VILAS 086

Số: 2263/MT/0764/1225

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 31/12/2025
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải (2)
Vị trí lấy mẫu: Nước mặt sông Hậu
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ (Nhà máy nước Hưng Phú).
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít x 2 chai)
3. Ngày nhận mẫu : 02/12/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 02/12/2025 đến 29/12/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CẦN THƠ
Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, KV8, phường An Bình, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
2	(#) pH	-	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023	7,59 (tại 25,4°C)
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	16
4	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	8
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	24,00
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	7,29
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	KPH (MDL = 0,02)
9	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(a)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (#) Kết quả chỉ có giá trị tham khảo, kết quả có giá trị pháp lý khi được quan trắc hiện trường bởi tổ chức có giấy chứng nhận VIMCERTS; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất Lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.